

Bản án số: 68/2023/KDTM-ST
Ngày: 07/8/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan
2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2023/QĐXX-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty ĐT

Trụ sở: phường 4, quận 5, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1968

Địa chỉ: phường Linh Đông, TP Thủ Đức, TPHCM

Bị đơn: Công ty MD; Trụ sở: phường 6, quận Gò Vấp, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975

Địa chỉ: phường 6, quận Gò Vấp, TPHCM

(Đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty ĐT (sau đây gọi là Công ty ĐT) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2021 Công ty MD (sau đây gọi là Công ty MD) và Công ty ĐT có ký kết Hợp đồng mua bán số MD02/01/2021 – HĐMB để mua bán xi măng. Theo thỏa thuận, khi Công ty MD nhận hàng thì Công ty ĐT xuất hóa đơn. Việc thanh toán bằng hai hình thức:

1/ Nếu Công ty ĐT giao hàng tới cửa hàng hoặc công trình cho Công ty MD bằng phương tiện vận chuyển của Công ty ĐT thì trong thời hạn 15 đến 30 ngày Công ty MD phải thanh toán hết số tiền mua hàng cho Công ty ĐT.

2/ Nếu Công ty MD nhận hàng từ nhà máy, kho bãi của Công ty ĐT bằng phương tiện vận chuyển của Công ty MD thì Công ty MD phải thanh toán hết số tiền mua hàng cho Công ty ĐT trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/01/2022 thì tổng số tiền Công ty MD còn nợ Công ty ĐT là 560.610.750 đồng. Công ty ĐT đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty MD vẫn không thanh toán. Do đó, Công ty ĐT khởi kiện yêu cầu Công ty MD phải thanh toán các khoản như sau:

- Nợ gốc 560.610.750 đồng + lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 6%/ năm. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty MD trình bày:

Công ty MD và Công ty ĐT có ký Hợp đồng mua bán số MD02/01/2021 – HĐMB ngày 02/01/2021 để mua bán xi măng. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có chốt công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2022, Công ty MD còn nợ Công ty ĐT số tiền nợ gốc là 560.610.750 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán. Phía Công ty MD đồng ý thanh toán nợ gốc 560.610.750 đồng trong thời gian 03 năm, hạn cuối cùng là ngày 17/7/2026. Do Công ty MD đang ngừng hoạt động kinh doanh nên đề nghị không thanh toán lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất cách giải quyết toàn bộ vụ án, đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty MD thanh toán cho Công ty ĐT nợ gốc 560.610.750 đồng + 50.316.734 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 06/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 546 ngày với mức lãi suất là 6%/ năm = 610.927.484 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến nào khác ngoài những trình bày như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1/ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Gửi quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2/ Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung vụ án:

Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Do bị đơn là Công ty MD vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán số MD02/01/2021 – HĐMB ngày 02/01/2021 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2022, nên Công ty ĐT khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Công ty ĐT yêu cầu Công ty MD thanh toán nợ gốc là 560.610.750 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/7/2023 các bên đương sự thống nhất nợ gốc Công ty MD chưa thanh toán cho Công ty ĐT là 560.610.750 đồng, phù hợp với Biên bản đối chiếu công nợ tháng 01/2022.

Đại diện bị đơn cho rằng Công ty hiện nay không còn hoạt động nên đề nghị thanh toán nợ gốc trong thời hạn ba năm và không thanh toán lãi. Đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận.

Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*.

Khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền quy định trong hợp đồng”*.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại mục 4.3 Điều IV của Hợp đồng mua bán số MD02/01/2021 – HĐMB ngày 02/01/2021 thì hai bên thỏa thuận *“Nếu quá thời hạn thanh toán 05 ngày bên B vẫn chưa thanh toán thì bên A sẽ xem xét việc ngưng cung cấp hàng hóa đồng thời bên B sẽ chịu lãi suất theo ngân hàng cùng thời điểm trên tổng công nợ quá hạn”*.

Ngày 31/01/2022 các bên ký biên bản đối chiếu công nợ, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 06/02/2022 là phù hợp với thỏa thuận nêu trên.

Xét thấy:

Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*;

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng về chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh*

tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng nêu trên tại địa phương là 17%/năm. Do đó, nguyên đơn đề nghị mức lãi chậm thanh toán là 6%/ năm x 560.610.750 đồng x 546 ngày = 50.316.734 đồng, là có lợi cho bị đơn và phù hợp thỏa thuận của các bên tại hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên có cơ sở chấp nhận. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận giữa hai bên được ký kết tại hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 560.610.750 đồng + lãi là 50.316.734 đồng = 610.927.484 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nội dung vụ án và đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 430; khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 11 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty ĐT đối với bị đơn là Công ty MD.

Buộc Công ty MD có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ĐT số tiền 610.927.484 đồng (*sáu trăm mười triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn, bốn trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 560.610.750 đồng (*năm trăm sáu mươi triệu, sáu trăm mười ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*) và lãi là 50.316.734 đồng (*năm mươi triệu, ba trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng*). Theo Hợp đồng mua bán số MD02/01/2021 – HĐMB ngày 02/01/2021 và Biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/01/2022. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty MD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.437.099 đồng (*hai mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi chín đồng*).

- Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty ĐT số tiền 14.025.024 đồng (*mười bốn triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số AA/2023/0011515 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa

đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị